

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/DS-ST

Ngày: 07 - 5 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Hữu Cải

2. Bà Trần Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị X**, S năm 1961; địa chỉ: Tổ 1, ấp Thạnh H, xã Thạnh B, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Văn H**, S năm 1984 và chị **Đoàn Thị S**, S năm 1983; Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp Thạnh H, xã Thạnh Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2020, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị X trình bày:

Ngày 08/5/2017 (AL), bà cho anh H, chị S vay số tiền 50.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau sẽ trả. Đến hạn, anh H, chị S trả cho bà được 40.000.000 đồng, còn nợ lại 10.000.000 đồng.

Ngày 02/8/2017, anh H, chị S vay thêm số tiền 120.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau sẽ trả. Đến hạn, anh H, chị S trả được số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng.

Ngày 26/12/2018 (AL), anh H, chị S vay thêm của bà số tiền 30.000.000 đồng hẹn 03 tháng sau sẽ trả nhưng đến nay vẫn không trả cho bà được khoản tiền vay gốc nào, chỉ có trả tiền lãi 01 tháng là 1.800.000 đồng.

Khi vay, có làm giấy vay tiền, anh H, chị S có ký tên, không thế chấp tài sản, có thỏa thuận tiền lãi bằng miệng là 3%/tháng.

Nay, bà yêu cầu anh Lê Văn H và chị Đoàn Thị S trả cho bà số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định tính từ ngày

Theo biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2020, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn H trình bày:

Anh và chị Đoàn Thị S là vợ chồng, sống chung từ năm 1999 đến tháng 11/2020 thì anh và chị S ly hôn với nhau. Anh thừa nhận vợ chồng anh có vay tiền của bà Phan Thị X 03 lần như bà X trình bày. Hiện tại, anh và chị S còn nợ bà X số tiền 60.000.000 đồng. Nay, bà X yêu cầu anh và chị S trả số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi thì anh đồng ý trả $\frac{1}{2}$ của số tiền vay 60.000.000 đồng, còn tiền lãi anh không đồng ý trả vì gia đình đang khó khăn, anh còn phải nuôi 03 con nhỏ sau khi ly hôn với chị S.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 04/12/2020, bị đơn chị Đoàn Thị S trình bày:

Chị và anh Lê Văn H là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào tháng 11/2020, còn bà Phan Thị X chỉ quen biết. Vợ chồng chị có vay tiền của bà X 03 lần như bà Xuyết trình bày. Khi vay, các bên có thỏa thuận miệng tiền lãi là 30.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng. Hiện tại, vợ chồng chị còn nợ lại bà X số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng. Nay, bà X yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định, chị đồng ý.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bà X là nguyên đơn, anh H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị S là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X, anh H, chị S là có căn cứ.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị X. Buộc anh Lê Văn H và chị Đoàn Thị S cùng có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị X số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 26/12/2018 (AL) cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với khoản tiền lãi của khoản tiền vay ngày 26/12/2018 (AL), bà X đã nhận tiền lãi số tiền 1.800.000 đồng/30.000.000 đồng/tháng là vượt quá mức lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, cần khấu trừ số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định vào số tiền lãi mà anh H, chị S phải trả cho khoản tiền nợ vay 60.000.000 đồng.

Về án phí: Anh Lê Văn H và chị Đoàn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thấy rằng: Chị Đoàn Thị S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 1, ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh có nhà cửa ổn định nhưng hiện tại chị S không còn sống tại địa phương. Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện (bà Phan Thị X) đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú người bị kiện (chị Đoàn Thị S) địa chỉ được ghi trong “Giấy vay tiền” nên được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú”. Trong vụ án này, người bị kiện (chị Đoàn Thị S) thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng vay tài sản mà không thông báo cho bà Phan Thị X biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định nên được coi là cố tình giấu địa chỉ, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ, đúng pháp luật. Xác định nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng của chị Đoàn Thị S là tại tổ 1, ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bà Phan Thị X là nguyên đơn, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Lê Văn H là bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Đoàn Thị S là bị đơn, vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị X, anh Lê Văn H và chị Đoàn Thị S.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị X cho anh Lê Văn H và chị Đoàn Thị S vay tiền qua 03 lần tổng cộng là 200.000.000 đồng, anh H, chị S trả được 140.000.000 đồng, còn nợ lại 60.000.000 đồng. Khi cho vay thỏa thuận miệng tiền lãi là 30.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng, không thế chấp tài sản. Sau khi vay tiền thì chị Đoàn Thị S bỏ địa phương đi không rõ đi đâu. Bà Phan Thị X làm đơn khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn H và chị Đoàn Thị S có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị X đối với anh Lê Văn H và chị Đoàn Thị S, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại các giấy vay tiền ngày 02/8/2017; 26/12/2018 (AL); 08/5/2017 (AL) anh Lê Văn H, chị Đoàn Thị S có ký nhận nợ bà Phan Thị X. Mặt khác, cả anh H, chị S cùng xác nhận còn nợ lại bà X số tiền vay gốc 60.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này. Do đó, đủ căn cứ xác định anh Lê Văn H, chị Đoàn Thị S còn nợ bà Phan Thị X số tiền vay gốc 60.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi của bà X, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong các giấy vay tiền các đương sự không ghi việc thỏa thuận tiền lãi, nhưng các đương sự thống nhất là có thỏa thuận miệng tiền lãi là 30.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng. Nên xác định đây là hợp đồng vay có lãi. Khi vay, có thỏa thuận thời hạn trả nên là hợp đồng vay có thời hạn. Bà X yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 01/02/2019 (ngày trả lãi cuối cùng) cho đến nay (ngày 07/5/2021), việc yêu cầu tính lãi của bà X là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau: $60.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 27 \text{ tháng} = 13.545.600 \text{ đồng}$.

Trong ngày vay 26/12/2018 (AL), bà X có nhận số tiền lãi của 01 tháng là 1.800.000 đồng. Do số tiền lãi bà X đã nhận cao hơn số tiền lãi theo quy định nên phải khấu trừ số tiền lãi chênh lệch, cụ thể được tính như sau: $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 01 \text{ tháng} = 498.000 \text{ đồng}$. Như vậy tiền lãi chênh lệch là 1.302.000 đồng (1.800.000 đồng – 498.000 đồng).

Số tiền lãi anh H, chị S phải trả là 13.545.600 đồng – số tiền lãi chênh lệch 1.302.000 đồng = 12.243.600 đồng.

Như vậy, số tiền vay gốc anh H, chị S có nghĩa vụ trả cho bà X là 60.000.000 đồng, tiền lãi là 12.243.600 đồng. Tổng cộng là 72.243.600 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Phan Thị X được chấp nhận nên anh Lê Văn H và chị Đoàn Thị S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị X đối với anh Lê Văn H và chị Đoàn Thị S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh Lê Văn H và chị Đoàn Thị S cùng có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị X số tiền 72.243.600 (bảy mươi hai triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm) đồng. Trong đó, tiền gốc là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, tiền lãi là 12.243.600 (mười hai triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (anh Lê Văn H, chị Đoàn Thị S) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Anh Lê Văn H và chị Đoàn Thị S phải chịu 3.612.000 (ba triệu sáu trăm mười hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Phan Thị X số tiền 1.699.000 (một triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Phan Thị X đã nộp tại biên lai thu số 0000970 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phạm Thị Xuân Lan